

Số: 63/2019/QĐST-HNGĐ

C, ngày 18 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đào B, sinh năm 1975 địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Trương N, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58 và 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đào B và ông Trương N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Đào B và ông Trương N đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao 03 người con chung là cháu Trương M, sinh ngày 05/11/2001 và cháu Trương L, sinh ngày 09/12/2003, cháu Trương D, sinh ngày 31/3/2009 cho bà Đào B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trương N đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Trương Trí L và cháu Trương D mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu L và cháu D đủ 18 tuổi. Ông N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Đối với cháu Trương M, bà B và ông N không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Vì lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Đào B phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0029844 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: HSPA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tiến